

Bản án số: 106/2020/DS-PT

Ngày: 22 - 5 - 2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng hùn vốn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2014/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2014 về việc “Tranh chấp hợp đồng hùn vốn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1389/2013/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 619/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần H, sinh năm: 1948

1.2. Ông Trần H2, sinh năm: 1948

1.3. Ông Trần X, sinh năm: 1945

1.4. Ông Trần V, sinh năm: 1947

1.5. Ông Trần M, sinh năm: 1959

Cùng địa chỉ: Số 63/29 đường C, phường 1, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- 2.1. Bà Mạc Quế L, sinh năm: 1960
- 2.2. Bà Mạc Huệ Ph, sinh năm: 1962
- 2.3. Ông Mạc Quốc C, sinh năm: 1963
- 2.4. Bà Mạc Bửu D, sinh năm 1968
- 2.5. Bà Mạc Bửu Y, sinh năm: 1974
- 2.6. Bà Mạc Huệ L, sinh năm: 1964
- 2.7. Bà Mạc Kiến Q, sinh năm: 1972.

Đại diện theo ủy quyền có bà Mạc Bửu Th.

- 2.8. Ông Mạc Kiến D, sinh năm: 1966
- 2.9. Bà Mạc Bửu Th, sinh năm: 1970
- 2.10. Ông Mạc Kiến C2, sinh năm: 1960

Cùng địa chỉ: số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Thị L - Văn phòng luật sư L thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- 3.1. Ông Trần G, sinh năm: 1941.

Địa chỉ: Số 1131 WARDEN AVE, SCARBOROUGH. ONTARIO. M1R 2P8, CANADA.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần G là ông Đặng Trần K

- 3.2. Bà Trần M M

Địa chỉ: Số 3026 SULLIVAN AVE ROSEMEAD CA 91770 CALIFORNIA, USA

Đại diện theo ủy quyền bà Muội là ông Đặng Trần K

- 3.3. Bà Trần Ph

Địa chỉ: Số 161 lầu 02, đường P, phường 14, Quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền bà Ph là bà Lý Tú Th

Địa chỉ: Số 34 đường 53, phường T, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh.

- 3.4. Bà Trần Nhi N, sinh năm: 1938, mất ngày 14/12/2000.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Nhi N:

Chồng: Ông Huỳnh Ng, sinh năm: 1936

Các con:

- Bà Trần Kim A, sinh năm: 1963
- Ông Trần Chuyên Th2, sinh năm: 1965
- Bà Trần Mỹ Q, sinh năm: 1968
- Ông Trần S, sinh năm: 1968
- Bà Trần Mỹ A2, sinh năm: 1971
- Bà Trần Mỹ L, sinh năm: 1974
- Ông Huỳnh Cẩm H2, sinh năm: 1976
- Bà Trần Phụng L2, sinh năm: 1959

3.5. Bà Mạc Nữ D, sinh năm 1934, mất năm 1969

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Mạc Nữ D: ông Trần Kiến Ph, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 412, đường T, phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Huỳnh Chấn Ph, sinh năm 1985; Ông Huỳnh Chấn Đ, sinh năm 1987; Bà Mạc Mỹ L, sinh năm 1963; Trẻ Mạc Tấn Ch (con ông Mạc Kiến C2), sinh năm 1993; Trẻ Nguyễn Thục Nh, sinh năm 1993; Trẻ Nguyễn Thục O, sinh năm 1995; Trẻ Nguyễn Minh H, sinh năm 1998 (Đại diện theo pháp luật có ông Mạc Bửu D); Trẻ Phạm Hoàng B, sinh năm 1998 và trẻ Phạm Hoàng T, sinh năm 2002 (Đại diện theo pháp luật có bà Mạc Bửu Th); Bà Trần Thị S, sinh năm 1980; Trẻ Mạc Lệ H, sinh năm 2004, trẻ Mạc Lệ Ch, sinh năm 2006 và trẻ Mạc Trọng C, sinh năm 2009 (Đại diện theo pháp luật có ông Mạc Kiến D); Trẻ Ngô Hữu Đ, sinh năm 2005 (Đại diện theo pháp luật có bà Mạc Bửu Y); Bà Tô Thị Thanh H, sinh năm 1958; Bà Mạc Lệ Tr, sinh năm 1981; Ông Mạc Chánh C, sinh năm 1982; Trẻ Võ Ngọc Tr, sinh năm 2004 và Trẻ Võ Ngọc Th, sinh năm 2007 (Đại diện theo pháp luật ông Mạc Quốc C).

Cùng địa chỉ: số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1959; Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1973; Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1973; ông Nguyễn Vinh H, sinh năm 1987; Bà Thạch Thị Hồng Nh, sinh năm 1989; Bà Thạch Thị Thu Tr, sinh năm 1987; Ông Lê Quốc Kh, sinh năm 1987; ông Kim Văn Kh, sinh năm 1987; Ông Dương Hen H, sinh năm 1986; ông Võ Văn L, sinh năm 1985; ông Bùi Thanh Nh, sinh năm 1985; ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993; Bà Phạm Thanh Ng, sinh năm 1969; Bà Trần Thị Mỹ Ch, sinh năm 1974; Bà Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1971; ông Trần Văn C, sinh năm 1969; ông Trần Ngọc Ph, sinh năm 1991; Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989; Bà Giang Thị Ch, sinh năm 1988; Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thúy O, sinh năm 1976; Bà Trương Thị M, sinh năm 1975; Bà Lương Trúc H, sinh năm 1973; Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1986; Ông Thạch T, sinh năm 1984; Ông Lưu Thanh H, sinh năm 1971; Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1975; Bà Ngô Thị Mỹ K, sinh năm 1978; Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1973; Ông

Huỳnh Sà R, sinh năm 1982; Bà Tô Thị Kim H, sinh năm 1989; Bà Cái Thị Diệu H, sinh năm 1987; Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1989; Ông Võ Văn M, sinh năm 1985; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Bà Sơn Thị Đ, sinh năm 1991; ông Trịnh Thành Nh, sinh năm 1990; Ông Trần Văn D, sinh năm 1976; Trẻ Dương Thị T, sinh năm 1995; ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; ông Ngô Thế M, sinh năm 1987.

Cùng tạm trú tại: số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn các ông Trần H, Trần M, Trần H2, Trần X; đại diện theo ủy quyền của ông Trần V, Trần G và bà Trần M M là ông Đặng Trần K; người kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn gồm các ông Trần H, Trần X, Trần H2, Trần M, Trần V trình bày:

Ngày 22/7/1972 ông Trần M (còn gọi là ông Trần M) ký hợp đồng hùn vốn với hai người con trai là ông Mạc Sui X và ông Trần G để mua đất xây dựng xưởng sản xuất thức ăn gia súc có tên gọi là công ty nhà máy xay Thành Ph. Sau khi công ty được thành lập, vai trò của ba thành viên góp vốn được phân định như sau:

- Ông Mạc Sui X được đại diện công ty mua các bất động sản cũng như động sản, xin giấy phép khai thác nhà máy xay và đứng bộ.

- Ông Trần M có tư cách là quản lý công ty, nhân danh công ty hành động và thực hiện các hành vi thuộc về mục đích của công ty.

- Ông Trần G có nhiệm vụ phụ tá cho ông Trần M, trong các hoạt động của công ty.

Công ty hoạt động đến năm 1976 thì chuyển sang nghề sản xuất nhựa phế liệu, ông Trần M vẫn là quản lý chính của công ty, cho đến năm 1985 thì ông Trần M qua đời, và cùng thời gian này ông Trần G cũng vượt biên sang Canada, do đó công ty ngừng hoạt động. Lúc này toàn bộ nhà xưởng do ông Mạc Sui X và các thành viên trong gia đình quản lý sử dụng. Năm 1986, các thừa kế của ông Trần M (là anh em ruột với ông Mạc Sui X) yêu cầu ông Mạc Sui X chia tài sản theo tờ giao kèo thành lập công ty xây dựng nhà máy xay nhưng vợ chồng ông Mạc Sui X không đồng ý. Đến năm 1993, ông Mạc Sui X qua đời, nhà xưởng tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T tiếp tục do vợ và các con của ông Mạc Sui X quản lý sử dụng cho đến nay. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là các thừa kế của ông Mạc Sui X phải hoàn trả giá trị góp vốn của ông Trần M và ông Trần G trong việc hùn vốn xây dựng nhà máy xay Thành Ph là giá trị quyền sử dụng đất tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T theo giá mà Hội đồng định giá đã định để bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự.

Bị đơn: Bà Mạc Quế L, bà Mạc Huệ Ph, ông Mạc Quốc C, bà Mạc Bửu D, bà Mạc Bửu Y, bà Mạc Huệ L, bà Mạc Kiến Q, ông Mạc Kiến D, bà Mạc Bửu Th, ông Mạc Kiến C2 trình bày: Công ty nhà máy xay Thành Ph tọa lạc tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ các ông bà là ông Mạc Sui X và bà Nguyễn Thị Á tự bỏ tiền tạo dựng mà không có sự hùn vốn của bất kỳ ai. Các ông bà chỉ biết sự việc có hùn vốn khi các nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên chứng cứ mà phía nguyên đơn xuất trình để chứng minh có việc hùn vốn chính là “tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay lập ngày 22/7/1972” giữa ba ông Trần M, Trần G, Mạc Sui X nhưng tờ giao kèo này chỉ là bản photo mà không có bản chính. Để quyền lợi của các bên được đảm bảo bị đơn đề nghị nguyên đơn xuất trình bản chính của tờ giao kèo này nhằm xác định tính chính xác của vụ việc bằng cách tiến hành giám định. Sau khi có kết quả giám định mới tính đến việc có hùn vốn hay không hùn vốn và việc hùn vốn đó có hợp pháp hay không vì đây là tài sản chung của ông Mạc Sui X và bà Nguyễn Thị Á nhưng trong tờ giao kèo lại chỉ có tên của ông Mạc Sui X. Vì thế bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đưa ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Trần G do ông Đặng Trần K đại diện trình bày: Vào năm 1968 ông có hùn tiền với cha ông là ông Trần M và anh là ông Mạc Sui X mua một thửa đất 2.100 m² với giá 1.200.000 đồng để xây dựng nhà xưởng - nhà máy xay Thành Ph tọa lạc tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền xây dựng nhà xưởng do cha ông tự bỏ ra, xưởng hoạt động đến năm 1976 thì chuyển sang nghề sản xuất nhựa phế liệu. Năm 1985 ông Trần M qua đời, lúc này ông cũng vượt biên ra nước ngoài nên anh ông là Mạc Sui X tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1993 ông Mạc Sui X chết, các con của ông Mạc Sui X tiếp tục khai thác và sử dụng nhà xưởng cho đến nay. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng hùn vốn đã thành lập trước đây và giải quyết trả lại cho ông 1/3 giá trị tài sản góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất tại nhà xưởng số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác gồm:

1/ Bà Trần M M do ông Đặng Trần K làm đại diện cũng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc các thừa kế của ông Mạc Sui X trả lại phần tài sản của ông Trần M là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho các thừa kế của ông Trần M.

2/ Bà Trần Ph có ý kiến đề nghị Tòa án buộc các thừa kế của ông Mạc Sui X trả lại phần tài sản của ông Trần M là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho các thừa kế của ông Trần M.

3/ Bà Trần Nhi N chết năm 2000 có chồng là ông Huỳnh Ng và bảy người con gồm: Trần Kim A, Trần Chuyên Th2, Trần S, Trần Mỹ Q, Trần Mỹ A2, Trần Mỹ L, Huỳnh Cẩm H2, Trần Phụng L2 đều khai: ông Trần M có hùn vốn với ông Trần G và ông Mạc Sui X để thành lập nhà máy xay Thành Ph tại địa chỉ 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Nếu đủ căn cứ xác định ông Trần M có phần hùn là 1/3 giá trị nhà xưởng tại 17/1 + 17/2 L thì các ông bà xin được nhận phần mà bà Trần Nhi N được hưởng và sẽ tự phân chia.

4/ Ông Trần Kiến Ph (con của bà Mạc Nữ D) xác định việc hùn hạp giữa ông Trần M, ông Trần G và ông Mạc Sui X là có thật. Hiện các con của ông Mạc Sui X đang sử dụng, khai thác tài sản đang tranh chấp. Theo yêu cầu của các nguyên đơn ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

5/ Ông Huỳnh Chân Ph; Ông Huỳnh Chân Đ; bà Mạc Mỹ L; Trẻ Mạc Tấn Ch (con Mạc Kiến C2); Trẻ Nguyễn Thục N; Trẻ Nguyễn Thục O; Trẻ Nguyễn Minh H (Đại diện theo pháp luật có ông Mạc Bửu D); Trẻ Phạm Hoàng B và trẻ Phạm Hoàng T (Đại diện theo pháp luật có bà Mạc Bửu Th); Bà Trần Thị S; Trẻ Mạc Lệ H, trẻ Mạc Lệ Ch và trẻ Mạc Trọng C (Đại diện theo pháp luật có ông Mạc Kiến D); Trẻ Ngô Hữu Đ (Đại diện theo pháp luật có bà Mạc Bửu Y); Bà Tô Thị Thanh H; Bà Mạc Lệ Tr; Ông Mạc Chánh C; Trẻ Võ Ngọc Tr và Trẻ Võ Ngọc T (Đại diện theo pháp luật là ông Mạc Quốc C): Đều không có ý kiến gì và đề nghị tòa án xem xét giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

6/ Ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Văn Ph, Ông Phạm Hoàng D, ông Ngô Hữu T, ông Nguyễn Vinh H, bà Thạch Thị Hồng Nh, bà Thạch Thị Thu Tr, ông Lê Quốc Kh, ông Kim Văn Kh, ông Dương Hen H, ông Võ Văn L, ông Bùi Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thanh Ng, bà Trần Thị Mỹ Ch, bà Huỳnh Thị Ngọc Tr, Ông Trần Văn C, ông Trần Ngọc Ph, ông Nguyễn Văn Tr, bà Giang Thị Ch, ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thúy O, bà Trương Thị M, bà Lương Trúc H, bà Trương Thị Ngọc M, ông Thạch T, ông Lưu Thanh H, bà Phạm Thị Minh T, bà Ngô Thị Mỹ K, ông Nguyễn Nhựt Tr, ông Huỳnh Sà R, bà Tô Thị Kim H, bà Cái Thị Diệu H, ông Đoàn Văn S, ông Võ Văn M, ông Nguyễn Văn T, bà Sơn Thị Đ, ông Trịnh Thành Nh, ông Trần Văn D, ông Nguyễn Văn V, ông Ngô Thế M có ý kiến như sau: Họ là những người thuê nhà của gia đình bà Mạc Quế L. Mọi người đều đã được tòa án thông báo về việc tranh chấp hợp đồng hùn vốn và quyền sử dụng đất tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T. Tuy nhiên họ không có yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1389/2013/DSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 216, Điều 218, Điều 223, Khoản 1 Điều 224 Bộ luật dân sự

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là các ông Trần H, Trần X, Trần H2, Trần V, Trần M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần G, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là

bà Trần Ph, bà Trần M M, các thừa kế của bà Trần Nhi N, thừa kế của bà Mạc Nữ D về việc xác định quyền sử dụng đất có diện tích 1.915,20 m² tọa lạc tại số 17/1 + 17/2 L, phường T, quận T là tài sản chung của các ông Trần M, Mạc Sui X, Trần G trong đó ông Trần M, ông Trần G mỗi người được hưởng 1/3 giá trị quyền sử dụng đất và bằng 9.256.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/12/2013 ông Trần H, Trần M, Trần H2, Trần X; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trần K; người kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ng kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm các những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm vì nguyên đơn xuất trình được “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay ngày 22/7/1972”. Qua kết quả giám định có căn cứ xác định chữ ký trong “tờ giao kèo” trên là của ông Mạc Sui X. Nên yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn có căn cứ, tuy nhiên việc định giá tài sản trong vụ án này từ năm 2012 đến nay sẽ có sự thay đổi. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả các đương sự, cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Toà sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà;

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần H, Trần X, Trần H2, Trần M là nguyên đơn, ông Huỳnh Ng là thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Nhi N, ông Đặng Trần K là đại diện theo ủy quyền của ông Trần V, Trần G, bà Trần M M nằm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn cho rằng ngày 22/7/1972 cha của các nguyên đơn là ông Trần M (Trần M) có ký hợp đồng hùn vốn với hai người con là ông Mạc Sui X và ông Trần G để mua đất xây dựng xưởng sản xuất thức ăn gia súc. Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn xuất trình cho Toà án cấp sơ thẩm “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay ngày 22/7/1972” tuy nhiên các nguyên đơn chỉ cung cấp bản photo có sao y của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng các bị đơn không thừa nhận chữ ký trong tờ giao kèo trên là của ông Mạc Sui X. Nên toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ này và một số chứng cứ khác xét xử bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Trong quá trình toà án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án, các nguyên đơn xuất trình được bản chính của “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay ngày 22/7/1972” và yêu cầu giám định chữ ký của ông Mạc Sui Sui.

Tại kết quả trưng cầu giám định số 2304/C54B ngày 17/11/2014 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *Chữ ký mang tên Mạc Sui X dưới mục “Đại diện bên A” trên “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy – xay” đề ngày 22/7/1972 (Ký hiệu A) so với mẫu chữ ký đứng tên Mạc Sui X trên tài liệu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.*

Tại kết luận giám định số 626/C54-P5 ngày 21/11/2016 của Viện khoa học hình sự kết luận: *Chữ ký dưới mục “2-Ô.Mạc-Sui-X, ký tên: trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dưới mục “Chủ kinh doanh” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 và chữ ký mang tên Mạc Sui X trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 do cùng một người ký ra.*

Như vậy, kết quả giám định kết luận chữ ký trong “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay ngày 22/7/1972” là của ông Mạc Sui X. Tuy nhiên, đây là chứng cứ mới xuất trình tại toà án cấp phúc thẩm, nếu toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào chứng cứ này để xét xử thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của tất cả các đương sự, tước đi quyền kháng cáo của họ. Nên cần thiết phải huỷ toàn bộ bản án chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung. Tuy nhiên việc huỷ bản án sơ thẩm này không có lỗi của cấp sơ thẩm vì suốt quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm đương sự không cung cấp bản chính “Tờ giao kèo thành lập công ty nhà máy xay ngày 22/7/1972” này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 1389/2013/DS-ST ngày 26/11/2013 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí:

Về án phí phúc thẩm: Ông/bà Trần H, Trần M, Trần H2, Trần X, Trần V, Trần G, Trần M M, Huỳnh Ng không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Trần H2 theo biên lai số 06244 ngày 06/12/2013, ông Trần M theo biên lai số 06245 ngày 06/12/2013, ông Trần H theo biên lai số 06246 ngày 06/12/2013, ông Trần X theo biên lai số 06247 ngày 06/12/2013, ông Huỳnh Ng theo biên lai số 06248 ngày 06/12/2013, ông Trần V, ông Trần G, bà Trần M M (do ông Đặng Trần K đại diện theo ủy quyền nộp

thay) số 06230 ngày 04/12/2013 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (30);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(5), 40b (MTTT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên